

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con, nợ chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY GIANG TỈNH QUẢNG NAM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bríu Thị Nem
- Ông Nguyễn Tâm Hiếu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông CLâu Thìn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà ALăng Thị Tơ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị ALăng Thị N, sinh năm 1995, “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Bríu L, sinh năm 1994, “có mặt”.

Đều trú tại: thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C; Đại diện theo ủy quyền Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Quảng Nam; Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Văn H; Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C (Theo Văn bản ủy quyền số 56/GUQ-NHCS ngày 09/3/2023), “có mặt”.

4. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Zơ Râm N1 - Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 04 thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/02/2023 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị ALăng Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh B L chung sống với nhau vào năm 2015 nhưng chưa đăng ký kết hôn, đến ngày 20 tháng 4 năm 2016 vợ chồng chị đến làm thủ

tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân giữa chị N và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị và anh L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L thường xuyên uống rượu say xỉn, không tu chí làm ăn, không chăm lo cuộc sống trong gia đình dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã. Mặc dù mâu thuẫn giữa chị và anh L đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do không thể sống chung với nhau được nữa nên chị và anh L đã sống ly thân từ giữa năm 2021 đến nay, từ khi sống ly thân cho đến nay vợ chồng không còn ai quan tâm, chăm sóc tới nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Brú L.

Về con chung: Chị và anh Brú L có một con chung là cháu Brú Như L1, sinh ngày 04/12/2016. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Brú Như L1. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị ALăng Thị N trình bày vợ chồng chị còn nợ chung tại Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C là 25.000.000 đồng của hai khoản vay, nay ly hôn chị đề nghị Tòa án chia đôi số nợ trên cho chị và anh L mỗi người trả một nửa. Tại phiên tòa hôm nay chị N xin trả ngay một nửa số nợ trên cho Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C là 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*) và lãi suất theo quy định.

Ngoài yêu cầu trên, chị ALăng Thị N không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn: Anh Brú L, Tòa án đã tiến hành thông đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp ngày 15/3/2023 và ngày 24/3/2023 nhưng anh L vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa chị N và anh L, trong bản tự khai ngày 16 tháng 02 năm 2023 và tại phiên tòa hôm nay anh L trình bày như sau:

Về thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị ALăng Thị N là đúng. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Về nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như chị N trình bày, anh thừa nhận có uống rượu nhưng anh vẫn quan tâm đến vợ con, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh bị ngã làm ảnh hưởng đến sức khỏe nên chị N tự ý bế con bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã S, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam để sinh sống, vợ chồng anh ly thân từ giữa năm 2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai và chị N làm đơn xin ly hôn anh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên chị N yêu cầu ly hôn thì anh Brú L không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng về đoàn tụ chung sống, nuôi con ăn học. Nhưng nếu chị N cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị ALăng Thị N có một con chung cháu Bríu Như L1, sinh ngày 04/12/2016, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu sống cùng với chị N, anh L có nguyện vọng giao con chung là cháu Bríu Như L1 cho chị ALăng Thị N nuôi dưỡng.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện nay anh L rất khó khăn nên chưa thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Bríu L trình bày hiện nay vợ chồng anh còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện C tổng cộng là 25.000.000 đồng của hai khoản vay để trồng rừng. Ly hôn anh L đồng ý chia đôi trách nhiệm trả nợ mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng 12.500.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ông Zơ Râm N1 trình bày: chị ALăng Thị N và anh Bríu L đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, trong thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp hơn nữa anh Bríu L suốt ngày rượu chè say xỉn, không lo làm ăn, khi vợ khuyên can thì anh L la mắng chị N nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, giữa năm 2021 chị N không chịu đựng được sự xúc phạm của anh L, chị đã đưa con về nhà cha mẹ ruột tại xã S, huyện Đ để sinh sống, nuôi con ăn học. Trong thời gian này anh L cũng không thay đổi mà vẫn rượu chè say xỉn nên chị N làm đơn xin ly hôn để ổn định cuộc sống, do mâu thuẫn quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đã ly thân nhau gần hai năm rồi nên tại phiên tòa hôm nay tôi đề nghị tòa án giải quyết cho chị ALăng Thị N và anh Bríu L được ly hôn để ổn định cuộc sống của mỗi người, về con chung cháu Bríu Như L1 đề nghị giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; về nợ chung Ngân hàng chính sách xã hội huyện C đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là chia đôi mỗi người trả một nửa, chị N và anh L là đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo nên đề nghị miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện C ông Lê Văn H trình bày: Ngày 12/3/2018 Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách huyện C đã giải ngân cho anh B L vay số tiền 15.000.000 đồng, cho vay trồng rừng, lãi suất 6,6%/năm, thời hạn cho vay 60 tháng, mã món vay 6600000712005748, ngày 12/9/2019 anh L trả 10.000.000 đồng còn nợ lại 5.000.000 đồng; ngày 12/7/2019 anh L vay 20.000.000 đồng để trồng rừng, lãi suất 6,6%/năm, thời hạn cho vay 60 tháng, mã món vay 6600000715780647. Các lần vay trên do anh B L đứng tên người vay và người thừa kế chị ALăng Thị N, quan hệ với người vay là vợ, nay anh chị ly hôn quan điểm của Ngân hàng thống nhất với chị N, anh L là chia đôi trách nhiệm trả nợ của hai khoản vay còn nợ tổng cộng là 25.000.000 đồng, chị N và anh L mỗi người có trách nhiệm trả 12.500.000 đồng và tiền lãi theo sổ vay vốn. Tại phiên tòa hôm nay chị N đã trả đầy đủ một nửa số tiền nợ gốc là 12.500.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 24/5/2023 là 55.000 đồng cho Ngân hàng nên không đề cập đến, còn anh L Ngân hàng tiếp tục cho

thực hiện việc trả nợ số tiền gốc là 12.500.000 đồng và lãi suất phát sinh đúng theo thỏa thuận đã ký kết trong sổ vay vốn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải .

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị ALăng Thị N được ly hôn với anh Bríu L.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị ALăng Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Bríu Như L1 đến lúc cháu L1 trưởng thành.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị ALăng Thị N không yêu cầu anh Bríu L cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng chị N anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị ALăng Thị N và anh Bríu L có vay tiền của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C hai lần gồm, ngày 12/3/2018 vay 15.000.000 đồng, ngày 12/9/2019 anh L trả 10.000.000 đồng còn nợ lại 5.000.000 đồng; ngày 12/7/2019 vay 20.000.000 đồng, tổng cộng còn nợ là 25.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng, chị N, anh L là chia đôi nghĩa vụ trả nợ của hai khoản vay còn nợ là 25.000.000 đồng, chị N, anh L mỗi người có nghĩa vụ trả 12.500.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong sổ vay vốn. Tại phiên tòa hôm nay chị N và Ngân hàng thống nhất chị N trả toàn bộ số tiền 12.500.000 đồng tiền gốc và 55.000 đồng tiền lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện C nên được ghi nhận. Buộc anh L phải có trách nhiệm trả 12.500.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh đúng theo thỏa thuận đã ký kết trong sổ vay vốn.

Về án phí: chị ALăng Thị N và anh Bríu L là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn nộp toàn bộ tiền án phí cho chị N, anh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, nợ chung, bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã A, huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị ALăng Thị N và anh Bríu L là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị N là do tính tình không hợp, anh L không chịu làm ăn mà thường xuyên uống rượu say xỉn, la mắng và đánh đập chị N, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên ngăn nhưng mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hai vợ chồng sống ly thân nhau từ giữa năm 2021 cho đến nay, mỗi người một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên chị ALăng Thị N làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Bríu L.

Anh Bríu L thì cho rằng, quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh bị ngã làm ảnh hưởng đến sức khỏe nên chị N tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã S, huyện Đ để sinh sống, anh có xuống nhà cha mẹ chị N để động viên chị N quay về đoàn tụ gia đình, nuôi con ăn học nhưng chị N không về và làm đơn xin ly hôn anh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên chị N yêu cầu ly hôn thì anh Bríu L không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng về đoàn tụ chung sống, nuôi con ăn học.

HĐXX xét thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh L vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, anh L mong muốn vợ chồng về đoàn tụ chung sống nhưng anh lại không thể hiện ý chí và trao đổi bàn bạc với chị N, anh không đến tham gia hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay anh L có ý kiến nếu chị N cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 28/3/2023, đại diện Hội Liên hiệp phụ nữ xã và đại diện Ủy Ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Quảng Nam xác nhận: vợ chồng chị N anh L mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Bríu L thường xuyên uống rượu say xỉn dẫn đến vợ chồng cãi cự nhau và chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã S, huyện Đ để sinh sống từ năm 2021 cho đến nay không về lại nhà nên mâu thuẫn của vợ chồng chị N là quá trầm trọng.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị ALăng Thị N và anh Bríu L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị của chị N xin ly hôn với anh Bríu L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị N và anh L có một con chung là cháu Bríu Như L1, sinh ngày 04/12/2016, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu sống cùng với chị N và đang học tập ổn định tại xã S, huyện Đ, anh L cũng có nguyện vọng giao cháu Như L1 cho chị N nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Như L1 đủ 18 tuổi là phù hợp. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Vợ chồng chị N anh L có vay tiền Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C hai lần: lần 1 ngày 12/3/2018 vay 15.000.000 đồng để trồng rừng; lần 2 ngày 12/7/2019 vay 20.000.000 đồng để trồng rừng, ngày 12/9/2019 anh L trả 10.000.000 đồng của khoản vay ngày 12/3/2018, hiện nay còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện C tổng cộng của hai khoản vay là 25.000.000 đồng. Chị N xin ly hôn nên Ngân hàng, chị N, anh L thống nhất chia đôi nghĩa vụ trả nợ, chị N và anh L mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 12.500.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong sổ vay vốn. Tuy chưa đến hạn trả nợ nhưng tại phiên tòa hôm nay chị N và Ngân hàng thống nhất chị N trả toàn bộ số tiền 12.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 55.000 đồng cho Ngân hàng. Xét thấy, việc chị N tự nguyện trả nợ trước hạn cho Ngân hàng và được Ngân hàng đồng ý, phù hợp với quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự nên ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, anh Bríu L phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ gốc là 12.500.000 đồng và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện C theo đúng thỏa thuận đã ký kết trong sổ vay vốn.

[6] Về án phí: Chị N, anh L là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, cá nhân thuộc hộ nghèo. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với chị ALăng Thị N và anh Bríu L.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 470 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị ALăng Thị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị ALăng Thị N được ly hôn với anh Brú L.

1.2. Về con chung: Giao cho chị ALăng Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Brú Như L1, sinh ngày 04/12/2016 đến khi cháu L1 thành niên. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung:

Ghi nhận chị ALăng Thị N đã trả toàn bộ số tiền 12.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 24/5/2023 là 55.000 đồng cho Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C.

Anh Brú L có trách nhiệm trả cho N2 hành chính sách xã hội - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tây Giang 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) theo mã món vay 6600000712005748 ngày 12/3/2018 và 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) theo mã món vay 6600000715780647 ngày 12/7/2019 và tiền lãi phát sinh theo số vay vốn.

2. Về án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với chị ALăng Thị N và anh Brú L.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tây Giang;
- Chi cục THADS huyện Tây Giang;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Hân